



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 3

Số 26 (01/3/2008)

MỤC LỤC

| Ngày ban hành | Trích yếu nội dung | Trang |
|---------------|--------------------|-------|
|---------------|--------------------|-------|

THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 31-01-2008 | Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố năm 2008. | 3 |
| 20-02-2008 | Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 20 |

QUẬN 8

- | | | |
|------------|--|----|
| 30-01-2008 | Chỉ thị số 03/2008/CT-UBND về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và huấn luyện kiểm tra sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị năm 2008. | 33 |
| 30-01-2008 | Chỉ thị số 04/2008/CT-UBND về tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quận 8. | 37 |

- 31-01-2008 - Chỉ thị số 05/2008/CT-UBND về tổ chức Đại hội Công nhân, viên chức, Hội nghị Người lao động và Hội nghị Cán bộ, công chức năm 2008. 40

QUẬN TÂN BÌNH

- 24-01-2008 - Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”. 44

THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc
các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố năm 2008**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-BKH ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 cho thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 187/QĐ-BKH ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán, phân bổ ngân sách năm 2008 và Nghị quyết số 15/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 179/TTr-SKHĐT ngày 10 tháng 01 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các Sở, cơ quan ngang Sở, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế

- xã hội thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2008 (theo danh mục đính kèm) như sau:

- Chỉ tiêu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (Biểu số 1);

- Kinh phí và danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án lớn: 94.049 triệu đồng (Biểu số 2);

- Kinh phí và danh mục các chương trình mục tiêu bổ sung để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ: 195.440 triệu đồng (Biểu số 3).

Điều 2. Sau khi nhận được chỉ tiêu kế hoạch năm 2008 ban hành kèm theo Quyết định này, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các doanh nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành phân bổ, giao chỉ tiêu cho các đơn vị trực thuộc theo đúng chỉ tiêu kế hoạch được giao; tổ chức thực hiện và báo cáo tiến độ định kỳ hàng quý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; trường hợp có yêu cầu thay đổi, phải trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các doanh nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về những trì trệ hoặc thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các doanh nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 |
|----------|--|---|-------------|-------------------|
| I | Các chương trình mục tiêu quốc gia | | | |
| 1 | Chương trình về Việc làm | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | | |
| | Số lao động được giải quyết việc làm mới từ Quỹ cho vay giải quyết việc làm | | người | 30.000 |
| 2 | Chương trình Dân số và Kế hoạch hóa gia đình | Sở Y tế; Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em thành phố và các quận - huyện | | |
| | Mức giảm tỷ lệ sinh | | % | 0,1 |
| | Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai | | người | 370.560 |
| 3 | Chương trình Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS | Sở Y tế | | |
| | Số người dân được bảo vệ phòng chống sốt rét | | nghìn người | 15 |
| | Số lượt bệnh nhân được điều trị bệnh sốt rét | | bệnh nhân | 2.500 |
| | Tỷ lệ bệnh nhân được điều trị khỏi bệnh lao | | % | 85 |
| | Số người được khám để phát hiện bệnh phong | | nghìn người | 200 |
| | Tỷ lệ người nhiễm HIV được chăm sóc, quản lý, tư vấn | | % | 72 |

| | | | | |
|-----------|--|--|----------------------------|--------|
| | Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ 6 loại vaccine | | % | >95 |
| | Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em cân nặng theo tuổi | | % | 7,1 |
| | Số xã được triển khai dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng | | xã | 328 |
| | Số bệnh nhân tâm thần được chữa ổn định | | bệnh nhân | 5.130 |
| 4 | Chương trình Vệ sinh an toàn thực phẩm | Sở Y tế | | |
| | Tỷ lệ tối đa dân mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân | | dân mắc/ 100.000 dân | 12 |
| 5 | Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | |
| | Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch | | % | 95 |
| 6 | Chương trình về Văn hóa | Sở Văn hóa và Thông tin | | |
| | Số di tích được chống xuống cấp | | Di tích | 1 |
| II | Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng | Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ (UBND huyện Cần Giờ) | | |
| 1 | Giao khoán bảo vệ rừng | | ha | 27.400 |
| 2 | Chăm sóc rừng đã trồng | | ha | 20 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ DỰ ÁN LỚN*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|----------|---|---|-------------|-------------------|----------------------|-------------------|---------------|---------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| | Tổng số | | Triệu đồng | 94.049 | 3.000 | 91.049 | 62.056 | 28.993 | |
| I | CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA | | Triệu đồng | 94.049 | 3.000 | 91.049 | 62.056 | 28.993 | |
| 1 | Chương trình Giảm nghèo | | Triệu đồng | 1.353 | - | 1.353 | 1.353 | - | |
| 1.1 | Dự án khuyến nông - lâm - ngư và phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề | Chi cục Phát triển nông thôn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) | Triệu đồng | 400 | - | 400 | 400 | - | |
| 1.2 | Dự án dạy nghề cho người nghèo | Văn phòng Ban Chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo và Việc làm | Triệu đồng | 580 | - | 580 | 580 | - | |
| 1.3 | Dự án nâng cao năng lực giảm nghèo | - nt - | Triệu đồng | 283 | - | 283 | 283 | - | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|----------|--|---|-------------|-------------------|----------------------|-------------------|------------|------------|---|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 1.4 | Hoạt động giám sát, đánh giá | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Triệu đồng | 90 | - | 90 | 90 | - | |
| 2 | Chương trình Việc làm | | | 3.570 | 3.000 | 570 | 570 | - | Không bao gồm 3.500 triệu đồng vốn cho vay giải quyết việc làm bổ sung mới đã chuyển sang Ngân hàng Chính sách Xã hội |
| 2.1 | Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động | Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố | Triệu đồng | 400 | - | 400 | 400 | - | |
| 2.2 | Hoạt động nâng cao năng lực quản lý, lao động - việc làm | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Triệu đồng | 120 | - | 120 | 120 | - | |
| 2.3 | Hoạt động giám sát, đánh giá | - nt - | Triệu đồng | 50 | - | 50 | 50 | - | |
| 2.4 | Đầu tư các trung tâm giới thiệu việc làm, thiết bị thông tin thị trường lao động | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Trung tâm Giới thiệu việc làm | Triệu đồng | 3.000 | 3.000 | - | - | - | Trong đó năm 2007 chuyển tiếp 2.100 triệu đồng |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|----------|---|---|-------------------|-------------------|----------------------|-------------------|---------------|--------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 3 | Chương trình Dân số và Kế hoạch hóa gia đình | | Triệu đồng | 20.745 | - | 20.745 | 16.485 | 4.260 | |
| 3.1 | Dự án truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi | Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, các quận - huyện | Triệu đồng | 2.987 | - | 2.987 | 2.987 | - | |
| 3.2 | Dự án nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình | | Triệu đồng | 2.986 | - | 2.986 | 2.986 | - | |
| | | <i>Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, các quận - huyện</i> | <i>Triệu đồng</i> | <i>12</i> | - | <i>12</i> | <i>12</i> | - | |
| | | <i>Sở Y tế</i> | <i>Triệu đồng</i> | <i>2.974</i> | - | <i>2.974</i> | <i>2.974</i> | - | |
| 3.3 | Dự án nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình | Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, các quận - huyện | Triệu đồng | 10.902 | - | 10.902 | 7.102 | 3.800 | |
| 3.4 | Dự án nâng cao chất lượng thông tin chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình | Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, các quận - huyện | Triệu đồng | 2.060 | - | 2.060 | 2.035 | 25 | |
| 3.5 | Dự án đảm bảo hậu cần, đẩy mạnh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai | Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, các quận - huyện | Triệu đồng | 722 | - | 722 | 722 | - | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|-----|---|--|-------------|-------------------|----------------------|-------------------|------------|------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 3.6 | Chiến dịch lồng ghép truyền thông và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình - sức khỏe sinh sản | | Triệu đồng | 653 | - | 653 | 653 | - | |
| | | Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, các quận - huyện | Triệu đồng | 344 | - | 344 | 344 | - | |
| | | Sở Y tế | Triệu đồng | 309 | - | 309 | 309 | - | |
| 3.7 | Chương trình hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, các hoạt động thực hiện chiến lược gia đình | Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em | Triệu đồng | 435 | 0 | 435 | 0 | 435 | |
| 4 | Chương trình Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS | | Triệu đồng | 33.750 | - | 33.750 | 11.850 | 21.900 | |
| 4.1 | Dự án phòng chống lao (có chương trình 05, 06, các trại giam và người lang thang) | Bệnh viện Lao Phạm Ngọc Thạch | Triệu đồng | 3.300 | - | 3.300 | 2.291 | 1.009 | |
| 4.2 | Dự án phòng chống phong | Bệnh viện Da Liễu | Triệu đồng | 783 | - | 783 | 425 | 358 | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|------|---|--|-------------|-------------------|----------------------|-------------------|------------|------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 4.3 | Dự án phòng chống sốt rét | Trung tâm Y tế dự phòng | Triệu đồng | 300 | - | 300 | 214 | 86 | |
| 4.4 | Dự án phòng chống ung thư | Bệnh viện Ung bướu | Triệu đồng | 1.340 | - | 1.340 | 1.340 | - | |
| 4.5 | Dự án phòng chống HIV/AIDS | Ủy ban Phòng chống HIV/AIDS | Triệu đồng | 5.203 | - | 5.203 | 4.160 | 1.043 | |
| 4.6 | Dự án phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (và giám sát triển khai ngày vi chất) | Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Dinh dưỡng | Triệu đồng | 1.978 | - | 1.978 | 1.550 | 428 | |
| 4.7 | Dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng | Bệnh viện Tâm thần | Triệu đồng | 3.764 | - | 3.764 | 1.200 | 2.564 | |
| 4.8 | Dự án sức khỏe sinh sản | Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản | Triệu đồng | 740 | - | 740 | 75 | 665 | |
| 4.9 | Dự án tiêm chủng mở rộng | Trung tâm Y tế dự phòng | Triệu đồng | 900 | - | 900 | 545 | 355 | |
| 4.10 | Chương trình quân dân y kết hợp | Sở Y tế | Triệu đồng | 50 | - | 50 | 50 | - | |
| 4.11 | Các chương trình sức khỏe của thành phố | Sở Y tế | Triệu đồng | 13.980 | - | 13.980 | - | 13.980 | |
| 4.12 | Dự phòng | Sở Y tế | Triệu đồng | 1.412 | - | 1.412 | - | 1.412 | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|-----|---|------------------|-------------------|-------------------|----------------------|-------------------|------------|------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 5 | Chương trình Vệ sinh an toàn thực phẩm | Sở Y tế | Triệu đồng | 1.878 | - | 1.878 | 1.878 | - | |
| 5.1 | Dự án nâng cao quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm | | | | | | | | |
| 5.2 | Dự án thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm | | | | | | | | |
| 5.3 | Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua đường thực phẩm | | | | | | | | |
| 5.4 | Dự án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm | | | | | | | | |
| 5.5 | Dự án đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng | | | | | | | | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|-----|---|--|-------------|-------------------|----------------------|-------------------|--------------|--------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 5.6 | Dự án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thức ăn đường phố | | | | | | | | |
| 6 | Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Triệu đồng | 3.233 | - | 3.233 | 400 | 2.833 | |
| 7 | Chương trình về Văn hóa | Sở Văn hóa và Thông tin | Triệu đồng | 1.250 | - | 1.250 | 1.250 | - | |
| 7.1 | Dự án chống xuống cấp và tôn tạo di tích lịch sử | Trung tâm Bảo tồn di tích | Triệu đồng | 700 | - | 700 | 700 | - | |
| 7.2 | Dự án sưu tầm, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể của các dân tộc Việt Nam | Sở Văn hóa và Thông tin | Triệu đồng | 200 | - | 200 | 200 | - | |
| 7.3 | Dự án đào tạo cán bộ xây dựng xã điển hình triển khai hiệu quả toàn dân xây dựng đời sống văn hóa | - nt - | Triệu đồng | 50 | - | 50 | 50 | - | |
| 7.4 | Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở vùng sâu, vùng xa | 05 huyện ngoại thành | Triệu đồng | 200 | - | 200 | 200 | - | |
| 7.5 | Dự án củng cố và phát triển hệ thống thư viện công cộng | Thư viện thành phố và các huyện | Triệu đồng | 100 | - | 100 | 100 | - | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|-----|--|--|-------------------|-------------------|----------------------|-------------------|--------------|------------|---|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 8 | Chương trình Giáo dục và Đào tạo | | Triệu đồng | 19.270 | 0 | 19.270 | 19.270 | 0 | Thực hiện sau khi có Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ |
| 8.1 | Dự án đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất các trường sư phạm: | | Triệu đồng | 2.000 | 0 | 2.000 | 2.000 | 0 | |
| a | <i>Dự án đào tạo bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục</i> | <i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i> | <i>Triệu đồng</i> | <i>1.000</i> | <i>-</i> | <i>1.000</i> | <i>1.000</i> | <i>-</i> | |
| b | <i>Dự án mua sắm tăng cường trang thiết bị phục vụ dạy - học của Trường Đại học Sài Gòn</i> | <i>Trường Đại học Sài Gòn</i> | <i>Triệu đồng</i> | <i>1.000</i> | <i>-</i> | <i>1.000</i> | <i>1.000</i> | <i>-</i> | |
| 8.2 | Dự án tăng cường cơ sở vật chất trường học, xây dựng một số trường trọng điểm: | | Triệu đồng | 4.500 | - | 4.500 | 4.500 | - | |
| a | <i>Dự án mua sắm tăng cường trang thiết bị phục vụ dạy - học của Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong</i> | <i>Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong</i> | <i>Triệu đồng</i> | <i>4.100</i> | <i>-</i> | <i>4.100</i> | <i>4.100</i> | <i>-</i> | |
| b | <i>Dự án đầu tư tôn tạo, nâng cấp Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong</i> | <i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i> | <i>Triệu đồng</i> | <i>400</i> | <i>-</i> | <i>400</i> | <i>400</i> | <i>-</i> | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|-----|--|---|-------------------|-------------------|----------------------|-------------------|--------------|------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 8.3 | Dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề | | Triệu đồng | 12.770 | - | 12.770 | 12.770 | - | |
| a | Dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; các quận - huyện | Triệu đồng | 11.200 | - | 11.200 | 11.200 | - | |
| | | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Triệu đồng | 9.270 | - | 9.270 | 9.270 | - | |
| | | <i>Các quận - huyện</i> | Triệu đồng | 1.930 | - | 1.930 | 1.930 | - | |
| b | Dự án hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật | | Triệu đồng | 1.500 | - | 1.500 | 1.500 | - | |
| | <i>- Dự án hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn</i> | <i>Hội Nông dân và các quận - huyện</i> | <i>Triệu đồng</i> | <i>1.100</i> | <i>-</i> | <i>1.100</i> | <i>1.100</i> | <i>-</i> | |
| | <i>- Dự án hỗ trợ dạy nghề cho người khuyết tật</i> | <i>Trung tâm Bảo trợ dạy nghề và tạo việc làm cho người tàn tật</i> | <i>Triệu đồng</i> | <i>400</i> | <i>-</i> | <i>400</i> | <i>400</i> | <i>-</i> | |
| c | Giám sát đánh giá, dự án | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Triệu đồng | 70 | - | 70 | 70 | - | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|------|---------------------------------------|--|----------------|-------------------|-------------------------------|-------------------|---------------|---------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn ĐTPT (TW hỗ trợ) | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 9 | Chương trình Phòng, chống tội phạm | Công an thành phố | Triệu đồng | 2.500 | - | 2.500 | 2.500 | - | |
| 10 | Chương trình Phòng, chống ma túy | | Triệu đồng | 6.500 | - | 6.500 | 6.500 | - | |
| 10.1 | | <i>Công an thành phố</i> | Triệu đồng | 5.500 | - | 5.500 | 5.500 | - | |
| 10.2 | | <i>Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố</i> | Triệu đồng | 500 | - | 500 | 500 | - | |
| 10.3 | | <i>Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</i> | Triệu đồng | 500 | - | 500 | 500 | - | |

(*) Đã bố trí trong dự toán ngân sách năm 2008

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU BỔ SUNG ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2008*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|----------|---|--|-------------|-------------------|-----------------------|-------------------|---------------|------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| | Tổng số | | Triệu đồng | 195.440 | 102.380 | 93.060 | 93.060 | 0 | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư Khu Công nghệ cao | Ban quản lý Khu Công nghệ cao thành phố | Triệu đồng | 100.000 | 100.000 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Đề án tin học hóa cơ quan Đảng (Đề án 06 - tên cũ Đề án 47) | Văn phòng Thành ủy | Triệu đồng | 2.380 | 2.380 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ lang thang, bị xâm phạm tình dục và phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm theo Quyết định 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ | | Triệu đồng | 1.040 | 0 | 1.040 | 1.040 | 0 | |
| 3.1 | Đề án truyền thông vận động và nâng cao năng lực quản lý | Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em thành phố | Triệu đồng | 213 | 0 | 213 | 213 | 0 | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|-----|--|---|-------------|-------------------|-----------------------|-------------------|------------|------------|---------|
| | | | | Tổng số | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 3.2 | Đề án ngăn chặn và trợ giúp trẻ em lang thang kiếm sống | Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em thành phố | Triệu đồng | 597 | 0 | 597 | 597 | 0 | |
| 3.3 | Đề án ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Triệu đồng | 140 | 0 | 140 | 140 | 0 | |
| 3.4 | Đề án ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Triệu đồng | 90 | 0 | 90 | 90 | 0 | |
| 4 | Hỗ trợ kinh phí sáng tác, hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 06/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ | | Triệu đồng | 750 | 0 | 750 | 750 | 0 | |
| 4.1 | Hỗ trợ hoạt động sáng tác tác phẩm, công trình ở các Hội Văn học Nghệ thuật | Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật thành phố | Triệu đồng | 530 | 0 | 530 | 530 | 0 | |
| 4.2 | Hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao đối với các Hội Nhà báo | Hội Nhà báo thành phố | Triệu đồng | 220 | 0 | 220 | 220 | 0 | |
| 5 | Hỗ trợ cước vận chuyển sách báo ra nước ngoài | Công ty Cổ phần Phát hành sách thành phố (FAHASA) | Triệu đồng | 550 | 0 | 550 | 550 | 0 | |

| TT | Danh mục các chương trình, dự án | Đơn vị thực hiện | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2008 | | | | | Ghi chú |
|----|---|--|-------------|-------------------|-----------------------|-------------------|------------|------------|--|
| | | | | Tổng số | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp (*) | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trung ương | Địa phương | |
| 6 | Chương trình chăm sóc trẻ em không nơi nương tựa (QĐ 65/QĐ-TTg) | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Triệu đồng | 300 | 0 | 300 | 300 | 0 | |
| 7 | Chương trình Quốc gia bảo hộ, an toàn, vệ sinh lao động | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Triệu đồng | 420 | 0 | 420 | 420 | 0 | |
| 8 | Hỗ trợ dự án quản lý sau cai nghiện | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố | Triệu đồng | 90.000 | 0 | 90.000 | 90.000 | 0 | Đã bố trí trong dự toán kinh phí chi thường xuyên năm 2008 |

(*) Đã bố trí trong dự toán ngân sách năm 2008

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư
phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 28/2000/TT-BTC ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ và Thông tư số 55/2003/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2000/TT-BTC ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 69/2005/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về giá tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10822/SXD-QLKTXD ngày 31 tháng 12 năm 2007 về việc ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 11735/STC-BVG ngày 14 tháng 11 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phân xây dựng công trình để sử dụng vào mục đích: Tính lệ phí trước bạ; Bồi thường hỗ trợ thiệt hại tài sản nhà, công trình, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất; Định giá tài sản trong công tác bán, thanh lý nhà, xưởng thuộc sở hữu Nhà nước; Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước; Phục vụ công tác xét xử, thi hành án.

Điều 2. Căn cứ quy định của Trung ương về giá xây dựng công trình tại các đô thị và biến động giá cả trên thị trường, giao Sở Xây dựng chủ trì cùng các đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng, điều chỉnh, bổ sung lại Biểu giá chuẩn, báo cáo Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Biểu giá chuẩn, cho phù hợp thực tế.

Điều 3. Việc xử lý chuyển tiếp áp dụng Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phân xây dựng công trình nêu trên được thực hiện như sau:

a) Đối với các tài sản nhà, công trình, vật kiến trúc đã hoàn tất việc định giá theo bảng giá ban hành tại Quyết định số 118/2004/QĐ-UB ngày 28 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành để sử dụng vào các mục đích nêu tại Điều 1 (trừ mục đích tính giá để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất), thì không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Biểu giá ban hành tại Quyết định này.

b) Đối với những dự án đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư, những dự án đang thực hiện dở dang việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thì tiếp tục thực hiện theo Phương án bồi thường đã được phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Biểu giá ban hành tại Quyết định này.

c) Đối với những dự án đã được phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư nhưng đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thì thực hiện theo Biểu giá ban hành tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 118/2004/QĐ-UB ngày 28 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bảng giá chuẩn tối thiểu trị giá nhà và các loại kiến trúc khác để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU GIÁ CHUẨN VỀ SUẤT VỐN ĐẦU TƯ -
PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| STT | Loại công trình | | Đơn vị | Suất vốn đầu tư | |
|-----|------------------|--|---------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| | | | | Móng nông hoặc cọc L ≤ 15m | Móng cọc các loại L > 15m |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Biệt thự trệt | 1. Cột, đà, mái bằng BTCT hoặc mái BTCT dán ngói; tường gạch; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 2.700.000 | 2.800.000 |
| | | 2. Cột, đà BTCT, tường gạch, mái lợp ngói, có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 2.500.000 | 2.600.000 |
| | | 3. Cột, đà BTCT, tường gạch, mái lợp tole, có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 2.450.000 | 2.500.000 |
| 2 | Biệt thự lầu | 1. Khung, sàn, mái bằng BTCT hay BTCT dán ngói, tường gạch, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 2.400.000 | 2.500.000 |
| | | 2. Khung, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp ngói hoặc tole có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 2.250.000 | 2.300.000 |
| | | 3. Khung, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp ngói hoặc tole có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 2.150.000 | 2.250.000 |

| | | | | | |
|---|-------------------|--|---------------------|-----------|-----------|
| | | 4. Sàn xây cuốn trên sắt I, tường gạch, mái lợp ngói hoặc tole có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 2.000.000 | |
| | | 5. Sàn gỗ, tường gạch, mái lợp ngói hoặc tole có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 1.700.000 | |
| 3 | Nhà ở trệt | 1. Cột, đà, mái bằng BTCT hoặc BTCT dán ngói, tường gạch, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 2.250.000 | |
| | | 2. Cột, đà BTCT, tường gạch, mái lợp ngói, có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 2.050.000 | |
| | | 3. Cột, đà BTCT, tường gạch, mái lợp tole, có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương. | đồng/m ² | 1.950.000 | |
| | | 4. Cột gạch hoặc gỗ, tường gạch + ván hoặc tole, nền lát gạch tàu hoặc tương đương, mái lợp tole hoặc ngói. | đồng/m ² | 1.550.000 | |
| | | 5. Cột gạch hoặc gỗ, tường gạch + ván hoặc tole, nền gạch tàu hoặc tương đương, mái lợp giấy dầu, lá. | đồng/m ² | 1.150.000 | |
| | | 6. Cột gỗ, vách ván hoặc tole, mái tole, nền láng xi măng, trần ván hoặc cốt ép. | đồng/m ² | 800.000 | |
| | | 7. Khung sườn gỗ, vách tole + gỗ, nền láng xi măng, mái lá hoặc giấy dầu. | đồng/m ² | 500.000 | |
| 4 | Nhà ở ≤ 4 tầng | 1. Cột, đà, sàn, mái BTCT, tường gạch, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 2.200.000 | 2.300.000 |
| | | 2. Cột, đà, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp ngói, có trần, nền lát gạch xi măng ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 2.100.000 | 2.150.000 |
| | | 3. Cột, đà, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp tole, có trần, nền lát gạch xi măng ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 2.050.000 | 2.150.000 |

| | | | | | |
|---|-------------------------|---|---------------------|-----------|-----------|
| | | 4. Cột BTCT hoặc gạch, tường gạch, sàn xây cuốn trên sắt I, mái bằng, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 1.900.000 | 1.950.000 |
| | | 5. Cột BTCT hoặc gạch, tường gạch, sàn xây cuốn trên sắt I, mái lợp tole hoặc ngói, có trần, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 1.800.000 | 1.850.000 |
| | | 6. Cột BTCT hoặc gạch, tường gạch, sàn đúc giả hoặc sàn gỗ, mái lợp tole hay ngói, có trần, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 1.450.000 | |
| | | 7. Cột gỗ, sàn gỗ, vách ván, mái lợp tole, có trần, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 750.000 | |
| 5 | Nhà ở ≥ 5 tầng | 1. Móng, cột, đà, sàn, mái bằng BTCT, tường gạch, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 2.350.000 | 2.400.000 |
| | | 2. Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp ngói, có trần, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 2.200.000 | 2.300.000 |
| | | 3. Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp tole, có trần, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 2.150.000 | 2.250.000 |
| 6 | Chung cư ≤ 5 tầng | 1. Nhà chung cư mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 2.350.000 | 2.400.000 |
| | | 2. Nhà chung cư mái lợp tôn hay ngói. | đồng/m ² | 2.250.000 | 2.350.000 |
| 7 | Chung cư 6 - 10 tầng | * Không có tầng hầm: | | | |
| | | 1. Nhà chung cư mái lợp tôn, ngói. | đ/m ² | 2.450.000 | 2.500.000 |
| | | 2. Nhà chung cư mái bằng BTCT. | đ/m ² | 2.500.000 | 2.600.000 |
| | | * Có tầng hầm: | | | |
| | | 1. Nhà chung cư mái tôn, ngói. | đồng/m ² | 2.600.000 | 2.700.000 |
| | | 2. Nhà chung cư mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 2.700.000 | 2.800.000 |
| 8 | Chung cư 11 - 15 tầng | * Có 1 tầng hầm: | | | |
| | | 1. Nhà chung cư mái lợp tôn, ngói. | đồng/m ² | 2.800.000 | 2.850.000 |
| | | 2. Nhà chung cư mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 2.900.000 | 3.050.000 |

| | | | | | |
|----|--------------------------------|--|---------------------|-----------|-----------|
| | | * Có ≥ 2 tầng hầm: | | | |
| | | 1. Nhà chung cư, mái lợp tôn, ngói. | đồng/m ² | 3.150.000 | 3.250.000 |
| | | 2. Nhà chung cư, mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 3.250.000 | 3.400.000 |
| 9 | Chung cư 16 - 20 tầng | * Có 1 tầng hầm: | | | |
| | | 1. Nhà chung cư mái lợp tôn, ngói. | đồng/m ² | 3.150.000 | 3.250.000 |
| | | 2. Nhà chung cư mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 3.250.000 | 3.350.000 |
| | | * Có ≥ 2 tầng hầm: | | | |
| | | 1. Nhà chung cư, mái lợp tôn, ngói. | đồng/m ² | 3.450.000 | 3.500.000 |
| | | 2. Nhà chung cư, mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 3.550.000 | 3.650.000 |
| 10 | Chung cư 21 - 25 tầng | * Có 1 tầng hầm: | | | |
| | | 1. Nhà chung cư mái lợp tôn, ngói. | đồng/m ² | 3.470.000 | 3.550.000 |
| | | 2. Nhà chung cư mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 3.650.000 | 3.750.000 |
| | | * Có ≥ 2 tầng hầm: | | | |
| | | 1. Nhà chung cư, mái lợp tôn, ngói. | đồng/m ² | 3.800.000 | 3.900.000 |
| | | 2. Nhà chung cư, mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 3.950.000 | 4.050.000 |
| 11 | Chung cư > 25 tầng | * Có 1 tầng hầm: | | | |
| | | Nhà chung cư mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 3.950.000 | 4.350.000 |
| | | * Có ≥ 2 tầng hầm: | | | |
| | | Nhà chung cư mái bằng BTCT. | đồng/m ² | 4.350.000 | 4.500.000 |
| 12 | Nhà làm việc, cao ốc văn phòng | 1. Nhà làm việc ≤ 5 tầng, mái bằng: | | | |
| | | - Loại tiên tiến. | đồng/m ² | 2.150.000 | 2.250.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 2.250.000 | 2.350.000 |
| | | 2. Nhà làm việc 6 - 10 tầng, mái bằng: | | | |
| | | * Không có tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến. | đồng/m ² | 2.350.000 | 2.450.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 2.500.000 | 2.550.000 |
| | | * Có tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến. | đồng/m ² | 2.600.000 | 2.700.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 2.750.000 | 2.850.000 |
| | | 3. Nhà làm việc 11 - 15 tầng, mái bằng: | | | |
| | | * Có 1 tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến | đồng/m ² | 2.790.000 | 2.900.000 |

| | | | | | |
|----|-------------------------------------|--|---------------------|-----------|-----------|
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 2.970.000 | 3.100.000 |
| | | * Có ≥ 2 tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến. | đồng/m ² | 3.050.000 | 3.150.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 3.250.000 | 3.400.000 |
| | | 4. Nhà làm việc 16 - 20 tầng, mái bằng: | | | |
| | | * Có 1 tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến. | đồng/m ² | 3.100.000 | 3.250.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 3.350.000 | 3.450.000 |
| | | * Có ≥ 2 tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến | đồng/m ² | 3.420.000 | 3.550.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 3.650.000 | 3.750.000 |
| | | 5. Nhà làm việc 21 - 25 tầng, mái bằng: | | | |
| | | * Có 1 tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến. | đồng/m ² | 3.450.000 | 3.500.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 3.650.000 | 3.750.000 |
| | | * Có ≥ 2 tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến | đồng/m ² | 3.700.000 | 3.750.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 3.900.000 | 4.000.000 |
| | | 6. Nhà làm việc > 25 tầng, mái bằng: | | | |
| | | * Có 1 tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến. | đồng/m ² | 3.800.000 | 3.900.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 4.000.000 | 4.150.000 |
| | | * Có ≥ 2 tầng hầm: | | | |
| | | - Loại tiên tiến | đồng/m ² | 4.150.000 | 4.350.000 |
| | | - Loại trang trí đặc biệt. | đồng/m ² | 4.350.000 | 4.550.000 |
| 13 | Khách sạn (không phân biệt số tầng) | 1. Khách sạn loại tiêu chuẩn 1 sao. | | | |
| | | - Không hầm | đồng/m ² | 2.150.000 | 2.200.000 |
| | | - 1 hầm | đồng/m ² | 2.300.000 | 2.400.000 |
| | | 2. Khách sạn loại tiêu chuẩn 2 sao. | | | |
| | | - Không hầm | đồng/m ² | 2.350.000 | 2.450.000 |
| | | - 1 hầm | đồng/m ² | 2.600.000 | 2.700.000 |

| | | | | | |
|---------|--------------------------------|---|---------------------|-----------|-----------|
| | | 3. Khách sạn loại tiêu chuẩn 3 sao. | | | |
| | | - Không hầm | đồng/m ² | 2.800.000 | 2.850.000 |
| | | - 1 hầm | đồng/m ² | 2.900.000 | 3.000.000 |
| | | 4. Khách sạn loại tiêu chuẩn 4 sao. | | | |
| | | - Không hầm | đồng/m ² | 3.050.000 | 3.150.000 |
| | | - 1 hầm | đồng/m ² | 3.150.000 | 3.250.000 |
| | | - 2 hầm | đồng/m ² | 3.450.000 | 3.550.000 |
| | | 5. Khách sạn loại tiêu chuẩn 5 sao. | | | |
| | | - Không hầm | đồng/m ² | 3.500.000 | 3.600.000 |
| | | - 1 hầm | đồng/m ² | 3.600.000 | 3.700.000 |
| - 2 hầm | đồng/m ² | 3.700.000 | 3.800.000 | | |
| 14 | Công trình công cộng | Rạp chiếu phim, nhà hát: | | | |
| | | 1. Rạp chiếu phim quy mô từ 200 - 400 chỗ ngồi. | đồng/m ² | 2.250.000 | 2.350.000 |
| | | 2. Rạp chiếu phim quy mô từ > 400 - 600 chỗ ngồi. | đồng/m ² | 2.450.000 | 2.500.000 |
| | | 3. Rạp chiếu phim quy mô từ > 600 - 800 chỗ ngồi. | đồng/m ² | 2.600.000 | 2.700.000 |
| | | 4. Rạp chiếu phim quy mô từ > 800 - 10.000 chỗ ngồi. | đồng/m ² | 2.900.000 | 3.000.000 |
| 15 | Trường học, nhà trẻ (< 5 tầng) | 1. Móng, cột, đà, sàn, mái bằng BTCT, tường gạch, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương | đồng/m ² | 2.250.000 | 2.350.000 |
| | | 2. Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp ngói hoặc lợp tole, có trần, nền lát gạch ceramic hoặc tương đương. | đồng/m ² | 2.150.000 | 2.250.000 |
| 16 | Nhà xưởng | Khẩu độ ≤18m, cao ≤6m, không có cầu trục | | | |
| | | 1. Cột BTCT, vì kèo thép, tường gạch, mái lợp tole hoặc Fibro. | đồng/m ² | 1.100.000 | |
| | | 2. Cột, vì kèo BTCT, tường gạch, mái tole hoặc Fibro. | đồng/m ² | 1.050.000 | |
| | | 3. Cột, vì kèo thép, tường gạch, mái lợp tole hoặc Fibro. | đồng/m ² | 1.100.000 | |

| | | | | | | |
|----|--------------------------|---|---------------------|-----------|--|--|
| | | 4. Cột thép, vì kèo gỗ, vách tole, mái lợp tole hoặc Fibro. | đồng/m ² | 1.000.000 | | |
| | | Khẩu độ 18m - 30m, cao 9m không có cầu trục | | | | |
| | | 1. Cột BTCT, vì kèo thép, tường gạch, mái lợp tole. | đồng/m ² | 1.250.000 | | |
| | | 2. Cột BTCT, vì kèo thép, vách tole, mái lợp tole. | đồng/m ² | 1.200.000 | | |
| | | 3. Cột, vì kèo thép, tường gạch, mái lợp tole. | đồng/m ² | 1.250.000 | | |
| | | 4. Cột, vì kèo thép, vách tole, mái lợp tole. | đồng/m ² | 1.200.000 | | |
| 17 | Nhà bảo vệ (Riêng lẻ) | 1. Móng, cột, đà BTCT, nền lát gạch ceramic, mái bằng BTCT hoặc mái dán ngói. | đồng/m ² | 2.550.000 | | |
| | | 2. Móng, cột, đà BTCT, nền lát gạch ceramic, mái lợp tôn. | đồng/m ² | 2.450.000 | | |
| 18 | Nhà vệ sinh (Riêng lẻ) | 1. Móng, cột, đà BTCT, nền lát gạch ceramic, mái bằng BTCT hoặc dán ngói. | đồng/m ² | 2.700.000 | | |
| | | 2. Móng, cột, đà BTCT, nền lát gạch ceramic, mái lợp tôn. | đồng/m ² | 2.600.000 | | |
| 19 | Đài nước | * Đài nước BTCT $\leq 100\text{m}^3$, cao < 15m. | đồng/m ³ | 5.400.000 | | |
| | | * Đài nước BTCT $> 100\text{m}^3$, cao < 15m. | đồng/m ³ | 7.200.000 | | |
| 20 | Hồ nước ngầm, bể tự hoại | * Xây gạch, nắp BTCT: | | | | |
| | | 1. Dung tích $\leq 50\text{m}^3$: | đồng/m ³ | 1.200.000 | | |
| | | * Bê tông cốt thép, nắp BTCT: | | | | |
| | | 1. Dung tích $\leq 50\text{m}^3$: | đồng/m ³ | 2.550.000 | | |
| | | 2. Dung tích $> 50\text{m}^3$ đến 100m^3 | đồng/m ³ | 2.900.000 | | |
| | | 3. Dung tích $> 100\text{m}^3$ | đồng/m ³ | 3.350.000 | | |
| 21 | Cây xăng | Bể bằng thép chứa xăng, dầu đã tính chung hệ thống đường ống dẫn. | | | | |
| | | - Không có lớp bảo vệ ngoài | đồng/m ³ | 3.150.000 | | |
| | | - Có lớp bảo vệ ngoài | đồng/m ³ | 3.800.000 | | |

| | | | | | |
|----|-----------------------|--|---------------------|-----------|--|
| 22 | Đường nội bộ, sân bãi | 1. Mặt đường BT nhựa nóng | đồng/m ² | 250.000 | |
| | | 2. Mặt đường BT nhựa nguội | đồng/m ² | 200.000 | |
| | | 3. Mặt đường BT đá 1 x 2 hoặc Bê tông sỏi | đồng/m ² | 150.000 | |
| | | 4. Đường đá dăm chèn đất | đồng/m ² | 70.000 | |
| | | 5. Đường cấp phối sỏi đỏ. | đồng/m ² | 60.000 | |
| | | 6. Sân, vỉa hè lát gạch tàu, gạch con sêu hoặc gạch xi măng các loại | đồng/m ² | 90.000 | |
| | | 7. Sân láng vữa xi măng dày 3cm | đồng/m ² | 60.000 | |
| 23 | Một số kết cấu khác | 1. Góc lửng đúc | đồng/m ² | 1.900.000 | |
| | | 2. Góc lửng đúc giả | đồng/m ² | 1.250.000 | |
| | | 3. Góc lửng ván | đồng/m ² | 1.100.000 | |
| | | 4. Mái hiên lợp tole có cột hoặc vách đỡ; mái che sân thượng bằng tole | đồng/m ² | 700.000 | |
| | | 5. Hồ bơi trên sân thượng, trong nhà | đồng/m ³ | 3.250.000 | |
| | | 6. Tường gạch, bô trụ, vì kèo gỗ, nền láng xi măng, mái lợp tole hoặc Fibro | đồng/m ² | 650.000 | |
| | | 7. Tường gạch bô trụ, vì kèo thép, nền láng xi măng, mái lợp tole hoặc Fibro | đồng/m ² | 750.000 | |
| | | 8. Trần nhà nhựa, thạch cao | đồng/m ² | 70.000 | |
| 24 | Hạ tầng kỹ thuật | 1. Khu đô thị quy mô ≤ 20ha | triệu đồng/ha | 2.600 | |
| | | 2. Khu đô thị quy mô 20 - 50ha | triệu đồng/ha | 2.500 | |
| | | 3. Khu đô thị quy mô > 50ha | triệu đồng/ha | 2.300 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

Ghi chú:

1. Suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình được tính trên 1m^2 sàn xây dựng.

2. Suất vốn đầu tư tính cho công trình xây dựng quy định tại Biểu giá trên là giá trị xây lắp, đã có VAT bao gồm cả hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, chống sét, PCCC trong công trình.

Suất vốn đầu tư tính cho công trình xây dựng quy định tại Biểu giá trên không bao gồm chi phí trang thiết bị công trình như: thang máy; hệ thống điều hòa không khí trung tâm; hệ thống máy bơm phục vụ PCCC; hệ thống báo cháy, chống trộm; tủ, bàn, ghế, trang thiết bị hành chính và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, nghiên cứu, vận hành, điều trị...

3. Suất vốn đầu tư áp dụng cho công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị quy định tại Biểu giá trên là giá trị xây lắp đã có VAT bao gồm: chi phí xây dựng các công trình hạ tầng như hệ thống thoát nước (tuyến ống nước, hố ga, trạm bơm, trạm xử lý; hệ thống cấp nước (tuyến ống cấp nước, bể chứa, trạm bơm); Hệ thống điện (điện chiếu sáng, sinh hoạt trạm biến thế) và các công tác khác như san nền, đường nội bộ, cây xanh; Không bao gồm chi phí xây dựng hệ thống kỹ thuật bên ngoài khu đô thị.

4. Trong trường hợp sử dụng vào mục đích tính lệ phí trước bạ nhà, công trình xây dựng:

- Đối với nhà xây dựng mới, đã sử dụng trong 05 năm: tính 100% đơn giá.

- Đối với nhà, công trình xây dựng cũ, đã sử dụng trên 05 năm: tính bằng 70% đơn giá.

5. Nội dung áp dụng đơn giá đối với công trình móng nông hoặc cọc $L \leq 15$ mét hoặc móng cọc các loại $L > 15$ mét như sau:

- Trường hợp chủ sở hữu tài sản có tài liệu chứng minh công trình xây dựng sử dụng móng cọc các loại $L > 15$ mét: áp dụng theo đơn giá của công trình xây dựng sử dụng móng cọc các loại $L > 15$ mét.

- Trường hợp chủ sở hữu tài sản không có tài liệu chứng minh công trình xây dựng sử dụng móng cọc các loại $L > 15$ mét: áp dụng theo đơn giá của công trình xây dựng sử dụng móng nông hoặc cọc $L \leq 15$ mét.

6. Trong trường hợp sử dụng vào mục đích bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất: Thực hiện theo quy định tại phương án bồi thường của dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chung cư và văn phòng đã kê khu thương mại tại các tầng bên dưới và tầng hầm (nếu có).

8. Trường hợp cao ốc đa năng, có thể tính toán từng phần, theo từng công năng, để xác định giá trị xây lắp.

9. Những trường hợp chưa nêu trong Biểu giá này, giao Sở Xây dựng hướng dẫn đối với từng trường hợp cụ thể./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2008/CT-UBND

Quận 8, ngày 30 tháng 01 năm 2008

CHỈ THỊ**Về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn
và gọi công dân nhập ngũ và huấn luyện kiểm tra
sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị năm 2008**

Căn cứ Chỉ thị số 31/2007/CT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự và động viên quân đội năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-UBND-M ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ năm 2008;

Căn cứ Hướng dẫn số 01/HD-BCH ngày 02 tháng 01 năm 2008 và Hướng dẫn số 37/HD-BCH ngày 13 tháng 01 năm 2008 của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hồ Chí Minh về đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2008;

Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, điều động quân nhân dự bị tham gia huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu của quận trong những năm qua có sự chuyển biến rõ rệt. Liên tục nhiều năm hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và động viên quân đội năm 2008, Ủy ban nhân dân quận 8 chỉ thị:

1. Giao trách nhiệm cho Ban Chỉ huy Quân sự quận 8 (Thường trực Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận):

- Lập kế hoạch, hướng dẫn triển khai cho Hội đồng Nghĩa vụ quân sự 16 phường về công tác phúc tra nắm lại nguồn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ năm 2008 (thanh niên tuổi 17, 18 - 25) và quân nhân dự bị trên địa bàn quận 8, đảm bảo đủ chỉ tiêu theo quy định.

- Hướng dẫn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự 16 phường trong việc tiến hành đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu đối với thanh niên tuổi 17 và thanh niên tuổi 18 - 25 chưa qua đăng ký bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng và thực hiện tốt quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, quân nhân dự bị huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu.

- Phối hợp chặt chẽ với ngành Công an trong việc đăng ký, quản lý di biến động của lực lượng dự bị động viên để thực hiện tốt công tác động viên quân đội.

- Phối hợp Phòng Y tế, Bệnh viện quận 8 tổ chức kiểm tra sức khỏe cho thanh niên đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17, khám sức khỏe cho thanh niên tuổi 18 - 25 và quân nhân dự bị khi tham gia huấn luyện theo quy định; đồng thời cùng các ngành, đoàn thể quận tổ chức tuyên truyền, vận động thanh niên tham gia đăng ký nghĩa vụ quân sự, khám sức khỏe gọi nhập ngũ và tham gia huấn luyện (đối với quân nhân dự bị) tổ chức đón tiếp hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương.

2. Giao Công an quận 8:

- Phối hợp Ban Chỉ huy Quân sự quận 8 thực hiện tốt việc đăng ký nghĩa vụ quân sự thanh niên tuổi 17 và tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ tuổi 18 - 25.

- Chỉ đạo Công an phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự phường tổ chức rà soát phúc tra nắm lại thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, những di biến động của thanh niên và quân nhân dự bị trên địa bàn để bảo đảm nguồn thực hiện hoàn thành chỉ tiêu thành phố giao.

- Chịu trách nhiệm xác minh về lai lịch chính trị của gia đình và bản thân công dân đủ điều kiện chuẩn bị gọi nhập ngũ, đảm bảo chính xác tránh sai sót, nhầm lẫn.

- Phối hợp Phòng Tư pháp, Ban Chỉ huy Quân sự quận 8 và các ngành liên quan kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự.

- Chịu trách nhiệm đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong ngày giao quân tại địa điểm tổ chức giao quân.

3. Phòng Y tế quận 8:

- Cùng cố, kiện toàn Hội đồng Khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự theo quy định, thành lập đoàn khám và tổ chức tập huấn hướng dẫn cho các Y, Bác sĩ đoàn khám nắm chắc việc kết luận và phân loại sức khỏe cho thanh niên theo Thông tư liên tịch số 14/2006/TTLT-BYT-BQP ngày 10 tháng 11 năm 2006 của Bộ Y tế - Bộ Quốc

phòng để hạn chế những sai sót, thực hiện kiểm tra xét nghiệm để phát hiện kịp thời những trường hợp nhiễm HIV, nghiện ma túy cho số thanh niên tham gia khám tuyển để đề xuất Hội đồng nghĩa vụ quân sự loại khỏi danh sách trúng tuyển.

- Chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí phục vụ công tác kiểm tra sức khỏe cho công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17, công dân từ đủ 18 đến hết 25 tuổi trong kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2008 và quân nhân dự bị trước khi huấn luyện.

4. Phòng Tư pháp quận 8: phối hợp Ban Chỉ huy Quân sự, Công an quận 8 rà soát, đề xuất bổ sung các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự (công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, quân nhân dự bị tham gia huấn luyện) phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

5. Phòng Giáo dục quận 8: chỉ đạo các trường trung học cơ sở thuộc quận đáp ứng kịp thời các yêu cầu cần thiết khi cơ quan quân sự thẩm tra, xác minh về văn hóa của thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ. Đồng thời chỉ đạo Trung tâm Giáo dục thường xuyên lập danh sách nam học sinh trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ (tuổi từ 18 đến hết 25) đang học tại trường gửi về Ban Chỉ huy Quân sự quận.

6. Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao, Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể dục - Thể thao quận 8:

- Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao quận 8 phối hợp với Ủy ban nhân dân 16 phường chỉ đạo Trạm Truyền thanh phường bằng nhiều hình thức tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về pháp luật, nhất là Luật Nghĩa vụ quân sự, tuyên truyền giới thiệu những tấm gương thanh niên tình nguyện gia nhập quân đội, truyền thống quân đội, truyền thống lực lượng võ trang quận để nhân dân và thanh niên biết, nhằm phục vụ tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2008.

- Trung tâm Văn hóa quận 8 chịu trách nhiệm trang trí địa điểm giao quân, phục vụ văn nghệ, âm thanh, ánh sáng trong ngày lễ giao quân và lễ đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự thường trực về địa phương.

- Trung tâm Thể dục - Thể thao quận 8 chịu trách nhiệm bảo đảm sân bãi (địa điểm giao quân) kể cả giữ xe, vệ sinh trước, trong và sau lễ giao quân năm 2008; đồng thời phối hợp với Trung tâm Văn hóa quận 8 trang trí lễ đài trong ngày lễ giao quân năm 2008.

7. Phòng Tài Chính - Kế hoạch quận 8: chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác, đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17, công tác tuyển chọn và gọi công

dân nhập ngũ, điều động quân nhân dự bị tham gia kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện và đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ thường trực về địa phương theo yêu cầu kế hoạch của Ban Chỉ huy Quân sự quận 8.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quận có kế hoạch chỉ đạo ngành dọc tăng cường công tác tuyên truyền, vận động trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, quân nhân dự bị tham gia huấn luyện, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chỉ tiêu năm 2008.

9. Ủy ban nhân dân 16 phường:

- Củng cố kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự phường đúng thành phần, số lượng theo quy định, thực hiện tốt quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, động viên quân đội.

- Tổ chức phúc tra nắm chắc lại thực lực nguồn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, quân nhân dự bị; đồng thời tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân và nhất là đối với thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ để thực hiện tốt Luật Nghĩa vụ quân sự

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đảng viên trẻ tham gia nhập ngũ, mỗi phường phải có từ 1 - 2 đảng viên trẻ tham gia và những đảng viên nhập ngũ phải có thời gian tham gia sinh hoạt tại chi bộ cơ sở từ 6 tháng trở lên.

- Quan tâm, chăm lo hơn nữa chính sách hậu phương quân đội; giải quyết kịp thời khó khăn của những gia đình có con em đang phục vụ tại ngũ để con em an tâm công tác hoàn thành nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân quận 8 yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể quận tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để góp phần hoàn thành thắng lợi chỉ tiêu đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi nhập ngũ và điều động quân nhân dự bị kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu năm 2008./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Thị Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2008/CT-UBND

Quận 8, ngày 30 tháng 01 năm 2008

CHỈ THỊ**Về tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy
trên địa bàn quận 8**

Từ đầu năm 2008 đến nay, trên địa bàn quận liên tiếp xảy ra 02 vụ cháy nghiêm trọng làm chết 01 bé trai 5 tuổi và thiệt hại 18 căn nhà. Các vụ cháy xảy ra trên địa bàn dân cư, nhà cửa lụp xụp xây dựng bằng các vật liệu dễ cháy, nằm sâu trong các hẻm, phương tiện chữa cháy khó tiếp cận.

Nhằm đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy và hạn chế thấp nhất thiệt hại khi có sự cố xảy ra, Ủy ban nhân dân quận 8 chỉ thị:

1. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, ban - ngành, đoàn thể, công ty, xí nghiệp, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, bệnh viện, trường học trên địa bàn quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường:

- Quán triệt nội dung Công văn số 43/UBNC-NC và Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 8 về tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy mùa khô năm 2007 - 2008 trên địa bàn quận 8 đến cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân để nâng cao ý thức trách nhiệm về công tác phòng cháy, chữa cháy tại địa phương, đơn vị mình, nhất là cao điểm trước, trong và sau Tết Nguyên đán Mậu Tý năm 2008.

- Khẩn trương tiến hành kiểm tra, rà soát và bổ sung kịp thời các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, nhằm tăng cường hiệu quả chữa cháy của lực lượng tại chỗ.

- Phân công lực lượng trực, gác 24/24 giờ trong những ngày nghỉ, lễ, tết để ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra.

2. Giao Công an quận 8 phối hợp Trung tâm Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy khu vực 5:

- Tổ chức kiểm tra và yêu cầu chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm

và có biện pháp khắc phục trước mắt đối với những khu dân cư có nguy cơ cháy nổ cao, để chủ động phòng ngừa.

- Chỉ đạo Trưởng Công an 16 phường tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, nhắc nhở các hộ gia đình chấp hành nghiêm các quy định về phòng cháy, chữa cháy và kiên quyết xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm Luật Phòng cháy và chữa cháy.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường:

- Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các hộ gia đình và cá nhân trong công tác phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Tăng cường công tác kiểm tra, nhắc nhở các hộ dân khi thắp hương, thờ cúng phải đặt trên các vật liệu không cháy và cách xa các vật liệu dễ cháy, khi đun nấu phải có người trông coi và che chắn bằng vật liệu không cháy, khó cháy và cách xa các vật dụng dễ cháy, trước khi rời khỏi nhà mà không có người trông giữ nhà phải kiểm tra kỹ hệ thống điện, các thiết bị sử dụng điện... nhằm đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

- Khẩn trương đề ra các biện pháp thực hiện thật cụ thể về phòng cháy, chữa cháy để giảm thiểu nguy cơ cháy nổ trong các địa bàn, khu dân cư có nguy cơ cháy nổ cao.

- Kiểm tra và thay thế ngay hệ thống điện tại khu phố, tổ dân phố, cơ sở sản xuất và hộ gia đình không đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

- Tăng cường công tác kiểm tra và áp dụng hình thức xử phạt cao nhất, chế tài nghiêm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ cháy nổ cao xen lẫn trong khu dân cư, trường học, nơi công cộng vi phạm về an toàn phòng cháy, chữa cháy.

- Rà soát, bổ sung kịp thời các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy tại khu phố, tổ dân phố, để đáp ứng yêu cầu công tác chữa cháy ban đầu và đạt hiệu quả cao.

- Củng cố, tăng cường lực lượng phòng cháy, chữa cháy cơ sở và dân phòng, thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận nếu để xảy ra sự cố trên địa bàn mình quản lý liên quan đến các biện pháp nêu trên.

Ủy ban nhân dân quận 8 yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, ban - ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân quận./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2008/CT-UBND

Quận 8, ngày 31 tháng 01 năm 2008

CHỈ THỊ

**Về tổ chức Đại hội Công nhân, viên chức, Hội nghị Người lao động
và Hội nghị Cán bộ, công chức năm 2008**

Căn cứ Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 1999 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước, Thông tư Liên tịch số 01/2005/TTLT-TLĐLĐVN-BLĐTBXH ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội “hướng dẫn về tổ chức và hoạt động Đại hội Công nhân, viên chức trong công ty nhà nước”;

Căn cứ Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan và Thông tư Liên tịch số 09/1998/TTLT-TCCP-TLĐLĐ ngày 04 tháng 12 năm 1998 của Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn về tổ chức và Hội nghị cán bộ, công chức trong cơ quan;

Căn cứ Nghị định số 87/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;

Để thực hiện tốt cơ chế dân chủ “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, phát huy quyền làm chủ của công nhân, cán bộ, công chức trong tham gia quản lý doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị góp phần xây dựng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị trong sạch vững mạnh.

Ủy ban nhân dân quận 8 chỉ thị cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Giám đốc Doanh nghiệp nhà nước, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn và chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường phối hợp với Công đoàn cơ sở cùng cấp tổ chức Đại hội Công nhân, viên chức, Hội nghị Người lao động, Hội nghị cán bộ, công chức năm 2008 của đơn vị đạt chất lượng và hiệu quả thiết thực, đảm bảo nội dung, trình tự và thời gian theo hướng dẫn của Liên đoàn Lao động quận 8. Cụ thể như sau:

1. Giám đốc doanh nghiệp nhà nước phối hợp cùng Công đoàn cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội Công nhân, viên chức theo đúng yêu cầu, trình tự, nội dung của Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-TLĐLĐVN-BLĐTBXH ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, nội dung Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 1999 của Chính phủ; tập trung xây dựng các biện pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, biện pháp đẩy mạnh và nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ, học vấn, cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, công nhân, viên chức.

Đánh giá việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ của doanh nghiệp trong năm qua; điều chỉnh, bổ sung và cụ thể hóa bằng các nội quy, quy chế cho phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

Lựa chọn các hình thức thích hợp tổ chức bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán Trưởng, cán bộ quản lý của doanh nghiệp nhằm phục vụ công tác kiện toàn tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của đơn vị.

Thực hiện công khai tài chính và những nội dung người lao động được tham gia góp ý được quy định tại Điều 6, 10 của Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 1999 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước.

2. Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn thỏa thuận với Công đoàn cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức Hội Nghị Người lao động theo đúng tinh thần Nghị định số 87/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ để người lao động tham gia quyết định và giám sát những nội dung sau:

- Bàn các biện pháp để thúc đẩy phát triển sản xuất - kinh doanh, tổ chức phong trào thi đua, thực hiện các chế độ chính sách, các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của công nhân lao động.

- Tham gia sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của công nhân lao động như: quy chế về trả lương, trả thưởng; quy chế khen thưởng. kỷ luật lao động; quy chế về sử dụng các quỹ phúc lợi và khen thưởng.

- Xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thỏa ước lao động tập thể.

- Giới thiệu người đại diện công đoàn có năng lực tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn (nếu có).

3. Thủ trưởng các đơn vị hành chính sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường cần quán triệt trong cán bộ, công chức và các văn bản pháp luật về quy chế thực hiện dân chủ, phối hợp cùng Công đoàn cơ sở tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức theo nội dung Điều 11 Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 09/1998/TTLT-TCCP-TLĐLĐ ngày 04 tháng 12 năm 1998 và Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn. Tập trung thảo luận các vấn đề nâng cao hiệu quả công tác, cải tiến lề lối làm việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu dân, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong cơ quan, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức.

4. Quá trình tổ chức thực hiện Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị phải trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của công nhân, cán bộ, công chức; phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở giải quyết những kiến nghị chính đáng của công nhân, cán bộ, công chức. Các ngành chức năng kịp thời giải quyết (hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân quận 8 giải quyết) các kiến nghị liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, nhiệm vụ chính trị, việc làm, đời sống của công nhân, cán bộ, công chức do các doanh nghiệp và đơn vị đề đạt.

5. Phòng Nội vụ quận 8, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 8 phối hợp với Liên đoàn Lao động quận 8 tổ chức kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị tổ chức Đại hội Công nhân, viên chức, Hội nghị Người lao động và Hội nghị cán bộ, công chức đạt yêu cầu theo quy định.

6. Kinh phí tổ chức Đại hội Công nhân, viên chức, Hội nghị Người lao động, Hội nghị Cán bộ, công chức được chi phí từ kinh phí quản lý của đơn vị.

7. Thời gian tổ chức Đại hội Công nhân, viên chức, Hội nghị Người lao động, Hội nghị Cán bộ, công chức của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị trước ngày 31 tháng 03 năm 2008. Đối với các đơn vị có khó khăn thì thời gian tổ chức chậm nhất đến trước ngày 30 tháng 4 năm 2008.

Các trường học tổ chức Hội nghị Cán bộ, giáo viên vào đầu năm học 2008 - 2009.

Giám đốc Doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Thủ trưởng các cơ quan hành chính sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Thị Hiền

QUẬN TÂN BÌNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2008/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch thực hiện chủ đề
“Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 147/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực trật tự an toàn giao thông, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị trên địa bàn quận.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của đơn vị, địa phương và nội dung Kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” để xây dựng kế hoạch cụ thể, thiết thực; triển khai tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Thị Dư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

“Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND

ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

Để triển khai chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” đã được Hội đồng nhân dân thành phố, kỳ họp lần thứ 12, khóa VII thông qua; thực hiện Quyết định số 147/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thực hiện chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”; Ủy ban nhân dân quận xác định một số nội dung và giải pháp chủ yếu cần tập trung thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU:

1. Tạo sự chuyển biến về nhận thức trong các tầng lớp nhân dân trên địa bàn quận, nhất là lực lượng thanh thiếu niên về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật nói chung, ý thức chấp hành pháp luật giao thông đường bộ nói riêng. Phấn đấu giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông trên địa bàn quận.

2. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa ứng xử văn minh, lịch sự tại nơi công cộng, khi tham gia lưu thông trên đường phố hoặc trên các phương tiện giao thông công cộng. Xử lý nghiêm những hành vi gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, sức khỏe cộng đồng.

3. Trong tháng cao điểm, phải tạo được sự chuyển biến rõ nét thông qua việc chọn điểm, gắn tiêu chí “An toàn, sạch sẽ, mỹ quan, thân thiện” góp phần xây dựng môi trường văn hóa trên địa bàn quận. Trước mắt, phát động đợt tuyên truyền, giáo dục, vận động trên toàn thành phố, quận, phường về 5 hành vi cần loại bỏ là xả rác, khạc nhổ, tiêu tiện bừa bãi, chửi thề nói tục, ăn mặc hở hang thiếu lịch sự nơi công cộng.

II. NỘI DUNG VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

1. Xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật giao thông:

1.1. Mở cuộc vận động “Toàn dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về trật tự và an toàn giao thông đường bộ”; không vi phạm pháp luật giao thông đường bộ; không đua xe trái phép; không lấn chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè để kinh doanh, mua bán, hoặc tập kết phương tiện, vật tư gây ách tắc giao thông. Phấn đấu 100% người dân chấp hành chủ trương đội mũ bảo hiểm khi lưu thông trên đường phố.

1.2. Xây dựng phương án, tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng: Đội cảnh sát giao thông - trật tự - phản ứng nhanh thuộc Công an quận, Trung đội Dân quân tập trung thuộc Ban Chỉ huy Quân sự quận, Tiểu đội Dân quân thường trực tại các phường, thanh niên xung kích thuộc Quận đoàn, trật tự viên thanh niên xung phong và lực lượng Cảnh sát giao thông thành phố nhằm điều tiết giao thông trong giờ cao điểm, xử lý kịp thời những điểm thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông, phấn đấu giảm số điểm ùn tắc giao thông và không để kéo dài ùn tắc.

1.3. Chọn 3 tuyến đường trọng điểm là đường Trường Sơn, đường Cộng Hòa, đường Trường Chinh (từ ngã tư Bảy Hiền đến ngã ba Bà Queo) để tập trung thực hiện chủ trương lề thông, hè thoáng, sạch đẹp. Tạo sự huyền biến rõ nét về trật tự an toàn giao thông và trật tự công cộng.

1.4. Tăng cường kiểm tra, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ. Ngăn chặn kịp thời, xử lý thật nghiêm những trường hợp đua xe trái phép. Phấn đấu giảm tối đa tai nạn giao thông trên cả 3 mặt: số vụ, số người chết, số người bị thương.

2. Xây dựng nếp sống văn minh nơi công cộng:

2.1. Vận động các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhân dân chấp hành nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường, giữ gìn nơi ở, nơi công tác và nơi công cộng, không xả rác, vứt rác ra đường phố, xuống lòng kênh rạch.

2.2. Xây dựng nếp sống văn hóa trên đường phố, giữ gìn vệ sinh, không tiêu tiện, khạc nhổ bừa bãi; xây dựng thái độ ứng xử văn minh, lịch sự trong nội bộ nhân dân, giữa công chức với nhân dân, giữa công chức với khách nước ngoài; không nói tục, chửi thề; không ăn mặc lố lăng, hở hang ở nơi công cộng.

2.3. Kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm công nghiệp, ô nhiễm kênh rạch, nước thải y tế, chất lượng vệ sinh đô thị. Xử lý nghiêm các doanh nghiệp gây ô nhiễm, bắt buộc triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm. Phấn đấu tỷ lệ thu gom chất thải rắn đạt 100%; chất thải nguy hại đạt 100%; tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt 100%.

2.4. Có biện pháp giải quyết các tệ nạn xã hội ở công viên, người lang thang, ăn xin, trẻ em cơ nhỡ; kiên quyết đưa vào các Trung tâm Bảo trợ xã hội hoặc đưa về địa phương, gia đình quản lý.

III. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Nội dung “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” được triển khai trên nhiều lĩnh vực, có liên quan đến tất cả các ngành, các địa phương; Ủy ban nhân dân quận thành lập Ban Chỉ đạo phân công đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách Khối Văn xã chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch. Phân công Công an quận làm Thường trực nội dung 1; Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao làm Thường trực nội dung 2; chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể đối với từng nội dung, triển khai tổ chức thực hiện, hướng dẫn và theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện.

2. Trách nhiệm của các phòng - ban quận:

2.1. Xây dựng kế hoạch triển khai “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” tại từng đơn vị; trong đó, cần xác định những nội dung trọng tâm và biện pháp tập trung giải quyết dứt điểm trong năm 2008; phân công trách nhiệm cụ thể; chủ động phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh các biện pháp nhằm quán triệt trong cán bộ - công chức - viên chức, tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân thông suốt chủ trương của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố về những nội dung của “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”, góp phần nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người, từ đó đồng tình hưởng ứng và chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

2.2. Công an quận và Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận chủ động phối hợp với các cơ quan, ban - ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân 15 phường tổ chức các đợt cao điểm ra quân lập lại trật tự an toàn giao thông; xây dựng nếp sống văn minh nơi công cộng theo nội dung được phân công; sau các đợt cao điểm phải duy trì thường xuyên ở mọi nơi, ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Cần chọn các khu vực trọng điểm, chỉ đạo thực hiện có kết quả, có sơ kết, tổng kết kịp thời để nhân rộng các mô hình, giải pháp hiệu quả.

Hướng dẫn cụ thể về nội dung và biện pháp để Ủy ban nhân dân 15 phường tổ chức thực hiện tốt “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

2.3. Công an quận chủ động phối hợp với Phòng Tư pháp - Thường trực Hội

đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quận và Ủy ban nhân dân 15 phường xây dựng kế hoạch thường xuyên tổ chức tuyên truyền về Luật Giao thông đường bộ và các văn bản pháp luật có liên quan để nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật giao thông cho cán bộ - công chức - viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn quận; đến tận khu phố, tổ dân phố. Định kỳ các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân 15 phường phải kiểm điểm, đánh giá tình hình và kết quả của công tác tuyên truyền, giáo dục về Luật Giao thông đường bộ.

Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao chủ động phối hợp với Phòng Tư pháp - Thường trực Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quận và Ủy ban nhân dân 15 phường xây dựng kế hoạch mở các lớp tuyên truyền, tập huấn về nội dung xây dựng nếp sống văn minh đô thị cho cán bộ Ban điều hành khu phố, tổ dân phố để vận động nhân dân chấp hành thực hiện. Phòng Văn hóa thông tin - thể thao tiếp tục đẩy mạnh công tác xử lý những đơn vị, cá nhân vi phạm về quảng cáo; đồng thời thường xuyên kiểm tra, tháo gỡ các biển quảng cáo trái phép, phối hợp Quận đoàn xóa quảng cáo nơi công cộng.

Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân quận, Ban Thi đua xây dựng tiêu chí thi đua về đảm bảo trật tự an toàn giao thông và thực hiện nếp sống văn minh đô thị vào nội dung thi đua ở cơ quan, đơn vị, địa phương. Cán bộ - công chức, người lao động bị xử lý do vi phạm pháp luật giao thông quá 2 lần trong 1 năm hoặc không ý thức giữ gìn vệ sinh nơi ở, nơi công tác và nơi công cộng sẽ không được xét khen thưởng hoặc xét tặng các danh hiệu thi đua.

2.4. Phòng Giáo dục chỉ đạo các trường học tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục về trật tự an toàn giao thông và thực hiện nếp sống văn minh đô thị trong nhà trường (sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm, tiết học đầu tiên trong tuần...) cho tất cả giáo viên, công nhân viên và học sinh. Tiếp tục đẩy mạnh công tác giữ gìn vệ sinh, ý thức không xả rác và biết nhặt rác bỏ vào thùng, phải dọn dẹp nhà vệ sinh thật sạch sẽ.

2.5. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội phối hợp Ủy ban nhân dân 15 phường giải quyết triệt để trẻ em lang thang, ăn xin, các tệ nạn xã hội đưa vào các Trung tâm Bảo trợ xã hội hoặc đưa về địa phương, gia đình.

2.6. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2007 và Nghị định số 146/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ và Kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận; phần đầu

kéo giảm tối đa số vụ tai nạn giao thông, số người chết và số người bị thương; Công an quận chủ động phối hợp với các lực lượng có liên quan tăng cường công tác tuần tra, xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; nhất là những hành vi vi phạm có thể dẫn đến tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông; bố trí đủ lực lượng tuần tra, xử phạt các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông trong thời điểm thường xuyên xảy ra tai nạn giao thông (từ 19 giờ 00 đến 2 giờ 00 sáng); thường xuyên phối hợp Ủy ban nhân dân 15 phường chỉ đạo tăng cường tuần tra, kiên quyết xử phạt nghiêm những hành vi vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép lòng, lề đường, vỉa hè; chôn chĩnh, xóa bỏ tình trạng bến cóc, xe dù. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nghiêm túc tổ chức thực hiện và kiểm tra, xử lý kiên quyết.

Thanh tra xây dựng quận tăng cường kiểm tra xử phạt đối với những trường hợp xây dựng lấn chiếm lộ giới; những chủ đầu tư, đơn vị thi công đào đường và tái lập mặt đường không đúng quy trình, quy định, không đảm bảo tiến độ, xử lý hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, vệ sinh nơi công cộng.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân 15 phường:

3.1. Căn cứ Kế hoạch này, theo sự hướng dẫn về nội dung, giải pháp thực hiện của Công an quận và Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận và tình hình thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch thực hiện “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” ở từng phường, khu phố, tổ dân phố; cần xác định nội dung trọng tâm và có biện pháp giải quyết dứt điểm trong năm 2008; phân công trách nhiệm cụ thể cho các ban - ngành, đoàn thể ở cơ sở tổ chức thực hiện. Đối với việc quảng cáo trái phép, xóa quảng cáo rao vặt, khoan cắt bê tông... từng phường giao phạm vi từng hộ dân, gia đình văn hóa, đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện.

3.2. Mỗi phường chọn một số khu vực và tuyến đường trọng điểm để tập trung các biện pháp tổ chức thực hiện, nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực trong năm 2008.

3.3. Có sự chỉ đạo tập trung; kiện toàn tổ chức bộ máy nhân sự đảm bảo thực hiện đạt kết quả kế hoạch trọng tâm này; thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện, kịp thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm theo đúng tiến độ.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quận có kế hoạch tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực nêu trên; xây dựng chương trình hành động và có tổ chức các phong trào đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

5. Tổ chức lễ ra quân phát động Tháng hành động giữ gìn vệ sinh, làm sạch đẹp nơi ở, nơi làm việc và nơi công cộng, không vứt rác ra đường phố, không lấn chiếm vỉa hè, xóa quảng cáo rao vặt, tháo gỡ các biển quảng cáo trái phép. Thời gian thực hiện đồng loạt là 7 giờ đến 9 giờ, thức bảy ngày 26 tháng 01 năm 2008. Phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch, chuẩn bị địa điểm và thực hiện; phát động toàn thể cán bộ lãnh đạo và công nhân, viên chức cùng các đoàn thể, khu phố, tổ dân phố, hộ dân tham gia hoạt động dọn dẹp vệ sinh môi trường tại địa bàn phường mình.

6. Chế độ thông tin báo cáo:

6.1. Trong tháng 1 năm 2008, Thủ trưởng các cơ quan, ban - ngành, đoàn thể quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường phải xây dựng ngay kế hoạch, triển khai tổ chức thực hiện chủ trương “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

6.2. Nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin báo cáo; ngày 20 hàng tháng, các cơ quan, ban - ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” ở đơn vị, địa phương mình về Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân quận để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

6.3. Ngày 10 tháng 12 năm 2008, các cơ quan, ban - ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân 15 phường phải tổ chức tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân quận; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện thường xuyên, liên tục trong những năm tiếp theo.

Ủy ban nhân dân quận yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, ban - ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Thị Dư

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng